

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2021

V/v tranh chấp ly hôn,
chia tài sản khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Ông Phùng Văn Luân.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-HN ngày 11 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Thông báo không mở phiên tòa ngày 17/2021/TB-TA ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn K**, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích V**, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp PX, xã PM1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

Chị **Trần Thị Bích L1**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số A, xã LBN, thành phố T, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

Chị **Trần Thị Bích T**, sinh năm 1994. Chị **Trần Thị Trường A1**, sinh năm 1994. Anh **Trần Quan T1**, sinh năm 1996. **Đình Thị Ngọc Tr**, sinh ngày 12-3-2011. Địa chỉ: ấp PN1, xã PM1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

-Ngân hàng B. Địa chỉ: số 02 đường LH, phường TC, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy H. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng AB.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Bé T2. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng AB. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số 537/QĐ-NHNoTP-TH ngày 02/11/2021 của Giám đốc Ngân hàng AB)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn K trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà V sống chung năm 1978 không có đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến lẫn nhau do không phù hợp tính tình và quan điểm sống thường xuyên cự cãi nhau. Từ năm 2009 đến nay thì ông và bà V không còn sống chung với nhau. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích V.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung ông và bà V có 05 con chung Trần Thị Kim L, sinh ngày 04/02/1981; Trần Thị Bích L2, sinh ngày 10/7/1986; Trần Thị Bích T, sinh ngày 10/7/1986; Trần Thị Trường A1, sinh ngày 22/3/1994 và Trần Quan T2, sinh ngày 15/4/1996. Các con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung:

Ông K yêu cầu được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 8647m² thửa đất số 103, tờ bản đồ PMC1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824450 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020. Phần đất này khi khởi kiện ông đồng ý chia cho bà V nhưng hiện nay ông không chia cho bà V. Phần đất này ông yêu cầu được quản lý sử dụng, ông không có quyền định đoạt đối với phần đất này.

Phần đất có diện tích 2687m² thửa số 323, tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020. Tài sản gắn liền trên đất là căn nhà tình nghĩa hiện đang thờ cúng liệt sĩ. Căn nhà thờ cúng liệt sĩ do nhà nước cấp. Ông và bà V đầu tư thêm 25.000.000đồng. Ông yêu cầu nhận căn nhà và giao lại cho bà V số tiền 25.000.000đồng. Phần đất này ông yêu cầu chia cho ông.

Phần đất có diện tích 426m² thửa đất số 571 tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824447 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020. Phần đất này ông yêu cầu chia cho ông.

Phần đất có diện tích 3164m² thửa đất số 570, tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824448 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020. Trong phần đất này có 30m ngang dài 40m đất bà Vân tranh chấp, ông K đồng ý giao cho bà V phần đất có diện tích ngang 30met dài 40 met. Bà V có toàn quyền quản lý sử dụng, định đoạt đối với phần đất có diện tích 30m dài 40m. Phần diện tích còn lại trong thửa đất ông yêu cầu chia cho ông.

-Về nợ chung:

Ông K có vay của Ngân hàng AB số tiền 100.000.000 đồng. Do dịch bệnh nên Ngân hàng cơ cấu nợ lại đến tháng 01/2022 sẽ đến hạn trả nợ. Phần nợ này ông đồng ý trả hết cho Ngân hàng.

***Bị đơn Nguyễn Thị Bích V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông K sống chung năm 1978 không có đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến lẫn nhau thường xuyên cự cãi nhau. Từ năm 2009 đến nay thì bà và ông K không còn sống chung với nhau. Nay ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung ông và bà Vân có 05 con chung Trần Thị Kim L, sinh ngày 04/02/1981; Trần Thị Bích L1, sinh ngày 10/7/1986; Trần Thị Bích T, sinh ngày 10/7/1986; Trần Thị Trường A1, sinh ngày 22/3/1994 và Trần Quan T1, sinh ngày 15/4/1996. Các con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung:

Bà yêu cầu ông K chia cho bà phần đất có diện tích ngang 30 met dài 40 met trong diện tích 3164m² thửa đất số 570, tờ bản đồ C1 tại ấp Phú Nhuận, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824448 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020. Phần diện tích còn lại trong thửa đất này đồng ý chia cho ông K.

Bà yêu cầu ông K giao cho bà số tiền 25.000.000đồng là tiền đầu tư thêm vào căn nhà tình nghĩa, bà thống nhất giao căn nhà cho ông K quản lý.

Phần đất có diện tích 8647m² thửa đất số 103, tờ bản đồ PMC1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824450 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020. Phần đất này

không chia mà thống nhất giao cho ông K quản lý sử dụng, ông K không có quyền định đoạt đối với phần đất này.

Bà V thống nhất chia cho ông K các thửa đất:

Phần đất có diện tích 2687m² thửa số 323, tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020. Tài sản gắn liền trên đất là căn nhà tình nghĩa hiện đang thờ cúng liệt sĩ.

Phần đất có diện tích 426m² thửa đất số 571 tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824447 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020.

-Về nợ chung:

Năm 2020, ông Trần Văn K có vay vốn của Ngân hàng AB số tiền 100.000.000đồng. Bà V, anh T, chị T, chị A1 có ký giấy ủy quyền vay vốn. Ông K có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824450 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020 cho Ngân hàng giữ hộ, số tiền vay này ông K quản lý sử dụng nên ông K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng AB.**

Theo Hợp đồng tín dụng mà ông K và bà V, chị T, chị A1, anh T1 ký kết với Ngân hàng số nợ gốc làm 100.000.000đồng, ông K đã trả 2.000.000đồng. Do Ngân hàng cơ cấu nợ lại đến tháng 01/2022 là hạn cuối trả nợ. Nay ông K và bà V ly hôn, chia tài sản chung nên Ngân hàng yêu cầu ông K và bà V, chị T, chị A1, anh T1 trả số nợ 98.000.000đồng nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim L:**

Chị là con ruột của ông Trần Văn K và là thành viên hộ gia đình, ông K bà V chia tài sản chung chị không có ý kiến vì đây là tài sản chung của cha mẹ chị.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích L:**

Chị là con ruột của ông Trần Văn K và là thành viên hộ gia đình, ông K bà V chia tài sản chung chị không có ý kiến vì đây là tài sản chung của cha mẹ chị.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Trường A1:**

Chị là con ruột của ông Trần Văn K và là thành viên hộ gia đình, ông K bà V chia tài sản chung chị không có ý kiến vì đây là tài sản chung của cha mẹ chị.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích T:**

Chị là con ruột của ông Trần Văn K và là thành viên hộ gia đình, ông K bà V chia tài sản chung chị không có ý kiến vì đây là tài sản chung của cha mẹ chị.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Quan T1**

Anh là con ruột của ông Trần Văn K và là thành viên hộ gia đình, ông K bà V chia tài sản chung anh không có yêu cầu gì vì đây là tài sản chung của cha mẹ anh, nếu ông K chia đất cho anh thì anh đồng ý nhận. Anh yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K, cho ông K ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích V. Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông K và bà V.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc Ông K, bà V, chị T, chị A1, anh T1 trả 98.000.000đồng nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng, thi hành một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn K tranh chấp yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích V, địa chỉ: ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích V sống chung năm 1978 không có đăng ký kết hôn nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông K bà V là hôn nhân thực tế trước năm 1987, quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà V là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa ông K, bà V sống chung hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2009 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cự cãi nhau. Ông bà đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay, thời gian ly

thân ông bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông K xin ly hôn với bà V vì tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn K.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian sống chung, ông K và bà V có năm con chung, hiện nay con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông K và bà V đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận:

Phần chia cho ông Trần Văn K:

Phần đất có diện tích 2687m² thửa số 323, tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020. Tài sản gắn liền trên đất là căn nhà tình nghĩa hiện đang thờ cúng liệt sĩ.

Phần đất có diện tích 426m² thửa đất số 571 tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824447 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020.

Ông K có toàn quyền quản lý, sử dụng có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất được chia.

-Giao cho ông K quản lý, sử dụng nhưng không có quyền chuyển nhượng, tặng cho đối với phần đất có diện tích 8647m² thửa đất số 103, tờ bản đồ PMC1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824450 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020.

Ghi nhận ông Trần Văn K cho bà Nguyễn Thị Bích V lưu cư trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

-Phần chia cho bà Nguyễn Thị Bích V:

Ghi nhận ông K chia cho bà V số tiền 25.000.000đồng (tiền đầu tư vào căn nhà tình nghĩa). Giao 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Chia cho bà V diện tích 1200m² (30m ngang dài 40 met) tách ra từ diện tích 3164m² thửa đất số 570, tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824448 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020.

Bà V có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 1200m² được chia.

Ông K có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất còn lại được tách ra từ thửa 570.

-Về nợ chung: Ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Bích V, chị Trần Thị Bích T, chị Trần Thị Trường A1, anh Trần Quan T1 có ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng A số tiền 100.000.000đồng, đã trả được 2.000.000đồng nợ gốc phần còn lại là 98.000.000đồng đã đến hạn. Nay ông K, bà V giải quyết ly hôn, chia tài sản chung nên Ngân hàng yêu cầu trả số nợ trên là phù hợp. Do số nợ quá hạn nên cần buộc trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí: Ông Trần Văn K phải chịu án phí HNST và án phí DSST theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Bích V, chị Trần Thị Bích T, chị Trần Thị Trường A1, anh Trần Quan T1 phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích V thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng A không phải chịu án phí DSST.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 59, 60, 63 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

Khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điểm đ khoản 1 Điều 12. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Văn K ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích V.

2. Về nuôi con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông K và bà V:

- Chia cho bà Nguyễn Thị Bích V:

Ghi nhận ông K chia cho bà V số tiền 25.000.000 đồng (tiền đầu tư vào căn nhà tình nghĩa). Giao 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Chia cho bà V diện tích 1200m^2 (30m ngang dài 40 met) tách ra từ diện tích 3164m^2 thửa đất số 570, tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824448 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020.

Bà V có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 1200m^2 được chia. Ông K không được tranh chấp đối với phần đất đã chia cho bà V.

-Chia cho ông Trần Văn K:

Chia cho ông K diện tích đất còn lại của thửa đất số 570, tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824448 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020 sau khi tách thửa chia cho bà V diện tích 1.200m^2 .

Phần đất có diện tích 2687m^2 thửa số 323, tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020. Tài sản gắn liền trên đất là căn nhà tình nghĩa hiện đang thờ cúng liệt sĩ.

Phần đất có diện tích 426m^2 thửa đất số 571 tờ bản đồ C1 tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824447 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020.

Ông K có toàn quyền sử dụng có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia. Bà V không được quyền tranh chấp đối với phần đất đã chia cho ông K.

-Giao cho ông K quản lý, sử dụng nhưng không có quyền chuyển nhượng, tặng cho đối với phần đất có diện tích 8647m^2 thửa đất số 103, tờ bản đồ PMC1

tại ấp PN, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824450 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020.

Ghi nhận ông Trần Văn K cho bà Nguyễn Thị Bích V lưu cư trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

4. Về nợ chung:

Buộc ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Bích V, chị Trần Thị Bích T, chị Trần Thị Trường A1, anh Trần Quan T1 trả cho Ngân hàng A số tiền 109.161.932 (gồm 98.000.000 đồng nợ gốc và 11.161.932 đồng lãi suất). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/12/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông K, bà V, chị T, chị A1, anh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngân hàng A trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 824450 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/02/2020 cho ông Trần Văn K khi ông K, bà V, chị A1, chị T, anh T1 trả hết nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí: Miễn án phí HNST và án phí DSST cho ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích V.

Ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Bích V, chị Trần Thị Bích T, chị Trần Thị Trường A1, anh Trần Quan T1 phải chịu 5.458.000 đồng án phí DSST. Ông K, bà V được miễn án phí. Chị T, chị A1, anh T1 mỗi người phải chịu 1.092.000 đồng án phí DSST.

Hoàn lại cho ông Trần Văn K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20315 ngày 10/3/2021 và 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20314 ngày 10/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho A số tiền 2.658.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002809 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

5.Quyền kháng cáo: Ông K, bà V, chị L, chị L1, chị A1, chị T, anh T1, Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền